TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 155/2021/DS-PT
Ngày: 26/9/2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng thuê khoán"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân; Bà Nguyễn Thị Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/TLPT-DS ngày 17/8/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thuê khoán"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2021/QĐ-PT ngày 26/8/2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Vĩnh T, sinh năm 1981 - *Có mặt.*

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Bị đơn:*** Công ty Cổ phần cà phê L.

Địa chỉ: Km B, Quốc lộ S, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê L: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957 - *Có mặt.*

Địa chỉ: Số 65 đường D, phường L, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk. *(Theo văn bản ủy quyền số 611 ngày 23/9/2021)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh T trình bày:*

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2011, tôi có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê gửi Công ty TNHH MTV cà phê L (Nay là Công ty Cổ phần cà phê L) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1979 của Công ty có diện tích

9.590m^2. Đến ngày 27 tháng 8 năm 2011, thì giữa tôi và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn số 312/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 312/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì: Tôi nhận khoán vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 9.590m^2, diện tích bờ lô 1.392m^2, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 14 tại xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 34.715.684đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 21.277.807đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm. Mức giao khoán hằng năm tôi phải nộp về Công ty theo thoả thuận trong Hợp đồng giao khoán. Kể từ khi nhận khoán vườn cây, tôi đã thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định của Hợp đồng giao khoán. Đến năm 2018, tôi phát hiện Công ty có sự gian lận. Nên tôi đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần cà phê L phải trả lại chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng; Trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng. Tổng cộng là: 116.358.753,2đồng *(Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng)*.

Tuy nhiên, sau khi xem xét lại hợp đồng do diện tích nhận khoán của tôi với Công ty là 9.590m^2 và hợp đồng chấm dứt vào cuối năm 2015 nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết từ năm 2016 về sau. Tôi đã sửa đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình đối với tổng số tiền không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê L phải trả lại là 115.136.028,2đồng *(Một trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi tám phẩy hai đồng)* (bao gồm: chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017), cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017), tiền thủy lợi phí tưới kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2010 và từ năm 2016-2018) và một phần tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích không có trong hợp đồng.

Đối với số tiền còn lại 1.222.725đồng *(Một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng)* là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 0,959ha (từ năm 2011-2015) phần 51% thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi. Đồng thời đề nghị Tòa án áp dụng Điều 162 của Bộ luật dân sự 2005 để tính lại thời hiệu khởi kiện.

** Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê L là ông Phạm Đình B trình bày:*

Công ty Cổ phần cà phê L thừa nhận vào ngày 27/8/2011, giữa bà Nguyễn Thị Vĩnh T với Công ty TNHH MTV cà phê L có ký Hợp đồng khoán gọn số 312/2011/HĐ-GK với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng thì đến ngày 17/11/2015 bà Nguyễn Thị Vĩnh T đã làm đơn xin thanh lý vườn cà phê khoán gọn. Công ty đã tiến hành các thủ tục thanh lý theo quy định. Ngày 25/12/2015, Công ty đã ban hành Thông báo số 01/TB-CT "V/v thanh lý vườn cây cà phê già cỗi và bị sâu bệnh, kém phát triển năm 2016". Kể từ khi được thanh lý đến tháng 8 năm 2020, bà T đã tiến hành cải tạo đất và trồng mới, tái canh theo quy định.

Như vậy, hợp đồng khoán gọn số 312/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 giữa bà Nguyễn Thị Vĩnh T với Công ty TNHH MTV cà phê L đã chấm dứt từ ngày

25/12/2015. Trong thời hạn 02 năm thì bà T không có bất kỳ ý kiến hay khiếu nại gì đối với Công ty TNHH MTV cà phê L về việc Công ty thu tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương. Căn cứ Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng số 312/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 giữa bà Vĩnh T với Công ty là không còn.

Việc bà Nguyễn Thị Vĩnh T xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện thì Công ty không có ý kiến gì. Đối với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vĩnh T đề nghị Tòa án buộc Công ty trả lại số tiền 1.222.725đồng *(Một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng)* là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương phần 51% cho diện tích 0,959ha (từ năm 2011-2015) thì phía Công ty hoàn toàn không đồng ý.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 194/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vĩnh T về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 0,959ha (từ năm 2011-2015) là 1.222.725đồng *(Một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng)*.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vĩnh T đối với tổng số tiền 115.136.028,2đồng *(Một trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi tám phẩy hai đồng)*.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/7/2021, bị đơn kháng cáo cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án không còn, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 27 tháng 8 năm 2011, giữa Công ty TNHH MTV cà phê L (Nay là Công ty Cổ phần cà phê L – sau đây viết tắt là Công ty) với bà Nguyễn Thị Vĩnh T có ký kết hợp đồng khoán gọn số 312/2011/HĐ-GK. Ngày 18/12/2015, UBND tỉnh Đăk Lăk ban hành Công văn về việc thanh lý diện tích cà phê già cỗi. Ngày 25/12/2015, Công ty đã ban hành Thông báo số 01/TB-CT *"V/v thanh lý vườn cây cà phê già cỗi và bị sâu*

bệnh, kém phát triển năm 2016". Như vậy, Hợp đồng khoán gọn giữa bà T và Công ty đã chấm dứt từ ngày 25/12/2015.

Tuy nhiên, vào ngày 11/4/2019, UBND tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 2832/UBND-KT về việc đồng ý chủ trương cho Công ty TNHH MTV cà phê L thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu của các hộ nhận khoán. Ngày 24/4/2019, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV cà phê L có Thông báo số 72/TB-Cty về việc Công ty thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương đã thu của các hộ nhận khoán gọn vườn cây (phần 51%) từ năm 2011 đến 2017. Bảng kê chi tiết từng hộ có bà Nguyễn Thị Vĩnh T. Như vậy, khi Công ty ban hành thông báo thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương đã thu của các hộ nhận khoán là thừa nhận nghĩa vụ đối với bà T. Đến ngày 31/7/2021, bà T nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu quy định tại Điều 157 và Điều 249 BLDS 2015. Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án không còn là không có căn cứ chấp nhận.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Số tiền mà bà T yêu cầu xuất phát từ các thông báo của Công ty đồng ý chi trả khoản tiền khấu hao kênh mương đã thu nhầm trên cơ sở các Hợp đồng giao khoán đã ký. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" là có căn cứ.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trên cơ sở đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên của bà T, vào ngày 27 tháng 8 năm 2011, giữa Công ty TNHH MTV cà phê L với bà Nguyễn Thị Vĩnh T có ký kết hợp đồng khoán gọn số 312/2011/HĐ-GK. Hợp đồng giao khoán được các bên tự nguyện giao kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 388; 389; 401 và Điều 503 của BLDS năm 2005.

Trước khi ký kết Hợp đồng giao khoán, Công ty là người xây dựng, soạn thảo và ban hành phương án khoán gọn vườn cà phê cho các hộ nông trường viên vào ngày 28/01/2011. Tại trang 9 mục 4.1 phần thứ 2 của Phương án ghi "*Chỉ tiêu chi phí khấu hao hồ đập, kênh mương 500.000đ/ha/năm, phần 51%(Công ty) là 255.000đ, phần 49%(hộ nhận khoán) là 245.000đ"*.

Tại trang 10 mục 4.3 phần thứ 2 của Phương án ghi "*sản lượng phần 51-49 2.800kg, phần giao nộp 51% là 1.428kg, phần 49% là 1.372kg. Từ số liệu trên công ty xây dựng định mức giao khoán như sau: Chi phí phần 51% là 713kg; Định mức sản lượng giao nộp khoán gọn 1.428kg - 713kg = 715kg (quy tròn 700kg). Chi phí 51% quy nhân 731kg cà phê nhân; Định mức khoán gọn giao nộp 7 tạ nhân/ha/năm là mức cao nhất trong chu kỳ kinh doanh của vườn cà phê*".

Như vậy, định mức khoán gọn cố định tối đa mà người nhận khoán phải giao nộp cho công ty là 700kg cà phê nhân/ha/năm.

Xét thấy, phương án khoán gọn do phía Công ty soạn thảo, xây dựng và ban hành, được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011. Đây là quan hệ hành chính giữa cơ quan quản lý hành chính với đơn vị trực thuộc (giữa UBND tỉnh Đắk Lăk với Công ty). Đối với Công ty và hộ nhận khoán, quyền và lợi ích của các bên được điều chỉnh bởi hợp đồng khoán gọn được giao kết.

Tại khoản 1 Điều 1 của hợp đồng khoán gọn ghi *" Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê"*.

Tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng ghi "*Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm"*.

Tại điểm h khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng ghi " *Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập, kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm"*.

Mặc dù, tại điểm c khoản 2 Điều 1 và điểm h khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của công ty thì hộ nhận khoán phải nộp tiền khấu hao hồ đập, kênh mương nhưng lại không thỏa thuận rõ ràng, không cụ thể, đồng thời lại thỏa thuận theo đơn giá quy định tại Hội nghị người lao động hằng năm, trong khi Hội nghị người lao động hàng năm không thỏa thuận về tiền chi phí hồ đập, kênh mương. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng khoán gọn vườn cây do Công ty soạn thảo theo mẫu có điều khoản không rõ ràng về quyền và nghĩa vụ các bên đối với chi phí tưới nước hồ đập kênh mương.

Theo quy định tại khoản 1, 7 và 8 Điều 409 của BLDS năm 2005 quy định:

"*1. Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí chung của các bên để giải thích điều khoản đó.*

7. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa ý chí chung của các bên với ngôn từ sử dụng trong hợp đồng thì ý chí chung của các bên được dùng để giải thích hợp đồng.

8. Trong trường hợp bên mạnh thế đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên yếu thế thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên yếu thế''.

Xét thấy, Công ty là chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, soạn thảo hợp đồng theo mẫu đồng thời là bên xây dựng, soạn thảo và ban hành phương án khoán gọn vườn cây, đồng thời Công ty là người lập Tờ trình số 22/TTr ngày 12/02/2009 xác định "*công ty thu nhầm tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đối với các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của công ty, thời gian thu nhầm từ năm 2011-2017. Mức khấu hao kênh mương, hồ đập theo phương án khoán gọn là 500.000đ/ha/năm. Theo quy định của phương án khoán gọn phần Công ty chịu 51% là 255.000đ/ha/năm, phần hộ nhận khoán là 49% là 245.000.000đ/ha/năm. Nay các hộ nhận khoán yêu cầu Công ty phải trả lại số tiền 51% mà Công ty đã thu nhầm. Công ty đã tiến hành kiểm tra rà soát và tính toán cụ thể theo từng năm số tiền mà công ty đã thu nhầm là 255.000đ/ha/năm phải trả cho hộ nhận khoán gọn có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của Công ty 7 năm là 1.266.242.988đ*". Sau khi nhận được tờ trình của Công ty Cà phê Thắng Lợi, UBND tỉnh Đăk Lăk ban hành Công văn số 1293/UBND-KT ngày 18/02/2019 giao Sở Tài chính nghiên cứu, xem xét. Sau khi làm việc với các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tỉnh Đăk Lăk đã có Công văn số 770/STC-TCDN ngày 05/4/2019 về việc thanh toán tiền khấu hao kênh mương. Ngày 18/4/2019, UBND tỉnh Đăk Lăk ban hành công văn

số 2832/UBND-KT (BL51) đồng ý chủ trương cho Công ty TNHH MTV cà phê L hoàn trả lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập mà Công ty đã thu.

Ngày 24/4/2019, Công ty ban hành Thông báo số 72/TB-CT (Viết tắt Thông báo 72) nội dung *"Công ty thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu của các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê (phần 51%) từ năm 2011-2017 (có bảng kê chi tiết, cụ thể từng hộ nhận khoán gọn vườn cà phê được nhận kèm theo)"*. Ngày 07/11/2020, Công ty ban hành Thông báo 714/TB-CT (Viết tắt Thông báo 714) mời các hộ nhận khoán đến văn phòng Công ty trực tiếp nhận lại tiền khấu hao kênh mương, hồ đập. Trong danh sách Công ty thu tiền khấu hao kênh mương phần 51% của Công ty, từ năm 2011 đến năm 2015, Công ty có thu của bà T bình quân mỗi năm là 244.545đồng/năm/0,959ha. Tổng thu là 1.222.725 đồng

Kể từ khi Công ty ban hành các Thông báo số 72, Thông báo 714 đến nay, trên thực tế thì Công ty đã chi trả lại số tiền khấu hao kênh mương hồ đập cho 352 hộ nhận khoán, với tổng số tiền là 678.970.928 đồng. Do đó, các Thông báo số 72, 714 được xác định là văn bản giải thích về điều khoản chưa rõ, chưa cụ thể, có nhiều cách hiểu của hợp đồng mà các bên đã giao kết và có lợi cho những hộ nhận khoán. Công ty đã thu chi phí khấu hao kênh mương từ hộ nhận khoán nhưng Công ty đã tự nguyện thông báo trả lại cho cho các hộ nhận khoán. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Hợp đồng giao khoán, phù hợp với các Điều 388; 389; 401; 409; Điều 501 và Điều 503 của BLDS năm 2005, phù hợp với Tờ trình số 22/TTr ngày 12/02/2009; Thông báo 72 và Thông báo 714 của Công ty.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty đối với tiền khấu hao kênh mương, hồ đập.

[3] Phần Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vĩnh T đối với tổng số tiền 115.136.028,2đồng *(Một trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi tám phẩy hai đồng)* và giành quyền khởi kiện lại cho bà T đối với số tiền trên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần cà phê L. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm 194/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 162, 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vĩnh T. Buộc Công ty Cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Vĩnh T số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 0,959ha (từ năm 2011-2015) là 1.222.725 đồng *(Một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vĩnh T đối với tổng số tiền 115.136.028,2đồng *(Một trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi tám phẩy hai đồng)*.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí Dân sự sơ thẩm

- Công ty Cổ phần cà phê L phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Vĩnh T số tiền 2.908.000đồng (*Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn đồng)* án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai số AA/2019/0015886 ngày 17/8/2020.

3.2. Án phí Dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần cà phê L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0006478 ngày 23/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường